EVNHPC THAC BA

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2009

Yên Bái, tháng 4 năm 2010

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN THÁC BÀ

Tên công ty:	**Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà**
Tên giao dịch tiếng Anh:	**Thac Ba Hydropower Jointstock Company**
Tên viết tắt tiếng Anh:	**TBHPC**
Mã chứng khoán:	**TBC**
Địa chỉ:	**Khu 8 thị trấn Thác Bà, Yên Bình, Yên Bái.**
Điện thoại:	**+ 8429 3884 116**
Fax:	**+ 8429 3884 167**
Website:	http://www.thacba.evn.com.vn
Năm báo cáo:	**2009**

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng và quá trình phát triển

Thuỷ điện Thác Bà là nhà máy thuỷ điện đầu tiên của Việt Nam. Công tác khảo sát thiết kế xây dựng Nhà máy Thuỷ điện Thác Bà được tiến hành từ năm 1959 đến năm 1961. Sau hơn 10 năm xây dựng, ngày 5 tháng 10 năm 1971, Nhà máy đã khởi động tổ máy số 1 và hoà lưới điện quốc gia.

Nhà máy thuỷ điện Thác Bà ban đầu là đơn vị trực thuộc Công ty Điện lực được thành lập theo Quyết định số 244 ĐT-NCQLKT-1 ngày 10 tháng 8 năm 1971 của Bộ trưởng Bộ Điện và Than, sau đó được chuyển thành đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Điện lực I theo Quyết định số 478 NL/TCCB-LĐ ngày 30 tháng 06 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Năng lượng.

Ngày 04 tháng 03 năm 1995, Bộ trưởng bộ Năng lượng đã ra Quyết định số 100/NL/TCCB-LĐ chuyển Công ty Thuỷ điện Thác Bà về Tổng Công ty Điện lực Việt Nam.

Ngày 30 tháng 3 năm 2005, Nhà máy Thuỷ điện Thác Bà được chuyển thành Công ty Thuỷ điện Thác Bà, là công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 19/2005/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp.

Ngày 24/10/2005, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 3497/QĐ-BCN về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thuỷ điện Thác Bà thành Công ty cổ phần Thuỷ điện Thác Bà.

Ngày 31/03/2006, Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.

Ngày 29/08/2006, Cổ phiếu của Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà (mã chứng khoán TBC) được chính thức niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (HASTC).

Ngày 19/10/2009, Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp và thay đổi gần nhất (lần 1) ngày 07/05/2008, Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp;
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.
- Định hướng phát triển

3. Mục tiêu chủ yếu của công ty

- Xây dựng và phát triển Công ty trở thành công ty hoạt động đa ngành; đa dạng hoá lĩnh vực sản xuất kinh doanh trên cơ sở phát huy các nguồn lực, thế mạnh của Công ty.
- Sản xuất kinh doanh hiệu quả để bảo toàn vốn, gia tăng lợi nhuận và lợi tức cổ đông, gia tăng giá trị doanh nghiệp, tạo lợi thế cạnh tranh và phát triển bền vững.
- Sản xuất và cung cấp điện năng an toàn, ổn định cho cho nền kinh tế quốc dân
- Ổn định đời sống và phấn đấu nâng cao thu nhập của người lao động.

4. Chiến lược phát triển trung và dài hạn trong những năm tới

a. Sản xuất kinh doanh hiệu quả tại Nhà máy thuỷ điện Thác Bà.

b. Cải tạo, nâng cấp và hiện đại hoá Nhà máy thuỷ điện Thác Bà đảm bảo các công trình, thiết bị luôn sẵn sàng và đáp ứng yêu cầu vận hành ổn định. Các dự án chính là:

- Đại tu nâng cấp tổ máy số 3, là tổ máy cuối cùng chưa được nâng cấp;

.

- Nâng cấp hệ thống điều khiển, đo lường, bảo vệ và giám sát nhà máy bằng hệ thống mới, sử dụng công nghệ hiện đại (DCS);
- Thay các máy biến áp cũ, có tổn hao lớn bằng các máy mới;
- Đại tu hệ thống công trình kiến trúc, công trình thuỷ công, hệ thống đập.

c. Đầu tư vào các dự án thuỷ điện. Trong đó, chú trọng đầu tư các dự án thuỷ điện vừa và nhỏ tại khu vực phía Bắc.

d. Mở rộng các ngành nghề kinh doanh gắn với sản xuất điện năng để phát huy năng lực về lao động, trang thiết bị kỹ thuật của công ty như: dịch vụ quản lý, vận hành các nhà máy thuỷ điện trong khu vực. Trước mắt, từ 2010 đền 2011, thành lập Trung tâm dịch vụ sửa chữa, vận hành nhà máy điện. Trung tâm này với nền tảng là đơn vị sửa chữa hiện tại, là một bộ phận của Công ty.

e. Kinh doanh du lịch, sử dụng ưu thế Hồ Thác Bà là một cảnh quan đẹp, hấp dẫn du khách.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2009, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà đã tiếp tục củng cố, tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, hoạt động của Công ty, đưa Công ty hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch SXKD. Cụ thể như sau:

1. Công tác tổ chức

Tổ chức sản xuất ổn định với 5 phòng ban và 2 phân xưởng với tổng lao động bình quân trong năm là 160 người.

Củng cố công tác cán bộ, thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ. Bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ các phòng Tổ chức lao động, Kỹ thuật, Phân xưởng Vận hành, Phân xưởng Sửa chữa; điều chuyển các kỹ sư, chuyên viên các đơn vị phù hợp với tình hình quản lý mới.

Đã tiến hành các thủ tục thành lập trung tâm dịch vụ kỹ thuật (sửa chữa, đào tạo, tư vấn, giám sát, vận hành các nhà máy thủy điện).

Trong năm đã và đang triển khai thực hiện xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 và xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000.

Hoàn thành các thủ tục chuyển niêm yết cổ phiếu từ Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội sang Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Xem xét, hiệu chỉnh và ban hành lại hệ thống Quy chế quản lý nội bộ sau 4 năm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Nhìn chung, tổ chức sản xuất và công tác quản lý, điều hành của Công ty đã đi vào nề nếp, ổn định. Năm qua, Công ty đã phấn đấu tốt nâng cao thu nhập và đời sống tinh thần người lao động, người lao động phấn khởi yên tâm làm việc, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Tình hình sản xuất kinh doanh

Năm 2009, Công ty đã cố gắng phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu cơ bản trong phương hướng sản xuất kinh doanh đã được thông qua tại ĐHĐCĐ. Do năm qua lượng nước về hồ ít (chỉ bằng 70% so với trung bình nhiều năm) nên tuy hoàn

thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật nhưng lại ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD năm 2010 do mức nước đầu năm 2010 rất thấp.

Các chỉ tiêu chính đạt được năm 2009:

TT	Chỉ tiêu chính	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
1	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu KWh	359,5	393,8	109.5%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	190,5	208,9	109,7%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	108,9	141,5	130%
4	Thu nhập trên cổ phiếu (EPS)	đồng	1.371	2.043	149

Một số chỉ tiêu kinh tế được đánh giá như sau:

+ Hệ số lợi nhuận dòng: 0,62

+ Hệ số thu nhập trên vốn cổ phần (ROE): 0,204

+ Hệ số thu nhập trên đầu tư (ROI): 0,15

+ Hệ số giá trên thu nhập thời điểm báo cáo(P/E): 9,25

.

3. Công tác đầu tư xây dựng và đầu tư tài chính:

Dự án Đại tu phục hồi nâng cấp tổ máy số 03 đã hoàn thành tốt phần chuẩn bị, kết thúc dự án M3 sẽ kết thúc việc đại tu nâng cấp toàn diện nhà máy Thủy điện Thác Bà, khi đó Công ty sẽ có nhiều điều kiện để đầu tư mở rộng phát triển SXKD.

Bước đầu, Công ty cũng đã mạnh dạn đầu tư góp vốn vào dự án điện. Thu nhập từ hoạt động tài chính chủ yếu vẫn là lãi gửi tiền nhàn rỗi (tăng thu nhập khoảng 3% vốn điều lệ).

Quá trình gửi và uỷ thác quản lý vốn tại các tổ chức tín dụng, công ty tài chính vừa đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng, quản lý vốn vừa gia tăng lợi nhuận, hạn chế tối đa lượng vốn nhàn rỗi.

Đây là một chủ trương hết sức đúng đắn của HĐQT. Doanh thu từ hoạt động tài chính năm 2010 đạt gần 18 tỷ đồng.

.

4. Công tác giám sát, chỉ đạo

HĐQT Công ty thường xuyên giám sát chặt chẽ, đôn đốc và định hướng cho Tổng Giám đốc thực hiện đúng nghị quyết và quyết định của HĐQT.

Đôn đốc, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí, hạ giá thành, tăng lợi nhuận.

5. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc.

Trong năm 2009, nhìn chung, Tổng Giám đốc đã triển khai và thực hiện tốt các nội dung theo nghị quyết và quyết định của HĐQT.

Việc điều hành các cán bộ quản lý đôi lúc còn chưa cương quyết, cần tăng cường hơn nữa trong việc kiểm tra, đôn đốc thực hiện nội quy lao động và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

6. Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý

Nhìn chung đội ngũ cán bộ đã có nhiều cố gắng phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có phẩm chất đạo đức tốt và thuần thục công việc. Tuy nhiên vẫn còn một số cán bộ chưa năng động, chưa sâu sát công việc nên tiến độ công việc còn chậm, hiệu quả chưa cao.

7. Các kế hoạch dự kiến

Năm 2010, HĐQT thực hiện các nội dung hoạt động chính như sau:

- Chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các kế hoạch của năm 2010, kế hoạch dài hạn
- Quản lý, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hoàn thiện hệ thống Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; đưa hệ thống quản lý chất lượng IS0 9001 và hệ thống quản lý môi trương ISO 14000 vào áp dụng.

.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2009

- Khả năng sinh lời:
  + Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%): 67,72
  + Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%): 16,52
  + Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%): 15,02
  + Tỷ suất Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần (%): 64,48
- Khả năng thanh toán:
  + Tỷ suất khả năng thanh toán đến hạn (lần): 6,43

Tỷ suất này cho thấy khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn của công ty là rất tốt; cũng qua đó chứng thực được rằng tình hình tài chính của công ty có tính thanh khoản cao.

+ Tỷ suất khả năng thanh toán tức thời (lần): 4,67

Tỷ suất này cho thấy khả năng thanh toán tức thời của công ty tốt, và tình hình tài chính của công ty ổn định, sử dụng vốn có hiệu quả cao.

- Phân tích biến động, những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động: Không.
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009:

  Vốn chủ sở hữu: 785 179 471 060 đồng
- Những thay đổi về vốn cổ đông: Không
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:
  + Cổ phiếu thông thường: 63 500 000 cổ phiếu
  + Cổ phiếu ưu đãi: Không
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:
  + Cổ phiếu thông thường: 63 500 000 cổ phiếu
  + Cổ phiếu ưu đãi: Không
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quĩ theo từng loại: Không
- Cổ tức: Năm 2009, Công ty đã trả cổ tức lần 1 ngày 28/12/2009 với tỷ lệ là 7%, dự kiến cổ tức đợt 2 là 6%. Tỷ lệ cả 2 lần trả cổ tức là 13%, tương đương 1.300đ/cổ phiếu.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 28/4/2009 và các Nghị quyết của HĐQT, Lãnh đạo cùng tập thể CBCNV trong Công ty đã nỗ lực hoàn thành các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Kết quả đạt được như sau:

2.1. Một số chỉ tiêu chính so với kế hoạch và so với thực hiện năm 2008

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2008	Kế hoạch năm 2009	Thực hiện năm 2009	Tỷ lệ KH/TH (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	475.8	372	408.4	109.8
2	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	461.4	359.5	393.8	109.5
3	Tỷ lệ điện tự dùng và tổn thất MBA	%	2.86	3.4	3.6	105.8
4	Tổng doanh thu	Triệu đồng	263.123	202.555	226.889	112
-	Thu nhập từ hoạt động KD	nt	244.628	190.555	208.995	109.7
-	Thu nhập khác	nt	18.495	12.000	17.894	149
5	Lợi nhuận trước thuế	nt	178.189	108.901	141.531	130
6	Lợi nhuận sau thuế	nt	162.323	87.121	129.732	149

2.2. Hoạt động sản xuất và kinh doanh điện

Lượng nước về hồ chứa trong năm thấp, chỉ đạt 4,261 tỷ m3 (trung bình nhiều năm là 5,9 tỷ m3), lưu lượng nước về bình quân là 135,2 m3/s. Mức nước hồ chứa tại thời điểm 31/12/2009 là 51,00m thấp hơn 6,9m so với cùng kỳ năm trước (31/12/2008 là 57,9m).

Các thông số chính về thuỷ văn:

- Mức nước hồ đầu năm (01/01/ 2009): 57,90m
- Mức nước hồ cuối năm (31/12/2009): 51,00m
- Mức nước hồ thấp nhất (24/6/2009): 48,68m
- Mực nước hồ cao nhất (01/01/2009): 57,90m

Sản lượng điện phát trong năm vượt kế hoạch là do lượng nước hồ đầu năm cao và Công ty đảm bảo duy trì hoạt động tốt của cả 3 tổ máy trong cả năm.

Công ty đã duy trì các tổ máy vận hành an toàn, ổn định và đúng phương thức, không có sự cố lớn về thiết bị, không có cháy nổ và tai nạn đối với con người. Công ty đã lắp đặt hoàn thành máy phát điện Diedel cho hệ thống khởi động đen, đảm bảo an toàn cấp cứu tự dùng khi mất điện lưới.

Công tác đại tu sửa chữa công trình, thiết bị đã thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ, góp phần duy trì nhà máy vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả, hạn chế được các hư hỏng phát sinh trong vận hành. Đặc biệt là công trình đại tu đập chính đã góp phần cải tạo làm tăng độ bền vững và cảnh quan cho tổng thể công trình Nhà máy Thủy điện Thác Bà sau 39 năm vận hành.

Công tác sửa chữa thường xuyên, đột xuất, bảo dưỡng thiết bị theo lịch định kỳ được tiến hành đều đặn, đảm bảo chất lượng và tiến độ

Các công trình thuỷ công được kiểm tra theo qui trình, các kế hoạch phòng chống lụt bão được xây dựng đúng thời gian và thực hiện theo đúng qui trình điều tiết hồ chứa được Bộ công thương phê duyệt.

Thực hiện các hợp đồng dịch vụ đào tạo vận hành với các trường dạy nghề, Thủy điện Thái An (90MW).

2.4. Công tác đầu tư xây dựng

Đã hoàn thành các thủ tục chỉ định tổng thầu trong nước và đã ký hợp đồng đại tu phục hồi số 3 với tổng thầu là Công ty cổ phần Lilama 10 (hợp đồng có hiệu lực từ ngày 16/9/2009). Các nhà thầu phụ gồm các nhà máy chế tạo thiết bị giống như đại tu 2 tổ máy trước đây (Nga, Ucraina, Áo, Thụy sỹ). Dự định sẽ tháo dỡ tổ máy vào tháng 4/2010.

Dự án Nâng cấp và hiện đại hoá hệ thống điều khiển, bảo vệ, đo lường và giám sát nhà máy: Công ty đang tiếp tục đàm phán với nhà thầu phần phát sinh chi phí do phần việc của tổ máy M3 bị kéo dài.

.

2.5. Công tác tài chính, đầu tư

Thực hiện đầu tư góp vốn vào Nhiệt điện Hải Phòng với mức đầu tư là 5.000.000CP (chiếm 1% vốn điều lệ của Công ty CP NĐHP, chiếm 8,56% vốn điều lệ của Công ty CP Thủy điện Thác Bà). Hiện nay đã góp đủ số tiền 54, 365 tỷ đồng.

Đầu tư tài chính ngắn hạn (uỷ thác đầu tư) và gửi ngân hàng có kỳ hạn trong năm đã thu được gần 18 tỷ đồng.

Công ty đã ký hợp đồng tín dụng trung hạn với EVNFC vay vốn cho dự án đầu tư đại tu phục hồi tổ máy số 03.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010

3.1. Hoạt động sản xuất điện

Năm 2010, Công ty phấn đấu đạt sản lượng điện sản xuất là 310 triệu kWh điện, sản lượng điện xuất tuyến đạt 298,9 triệu kWh, doanh thu bán điện: 170,4 tỷ đồng (Dự kiến giá bán điện là 570đ/kWh), giá thành đơn vị: 338,8đ/kWh.

Hoàn thành việc đàm phán HĐ mua bán điện với EVN với giá hợp lý đảm bảo cho kết quả SXKD 4 năm tới của Công ty.

Thực hiện hoàn thành Kế hoạch sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2010 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2010	Ghi chú
1	Điện sản xuất	Triệu kWh	310.0	
2	Điện tự dùng và tổn thất khác	%	3.57	
3	Điện thương phẩm	Triệu kWh	298.9	
4	Vật liệu phụ	Triệu đồng	1,769.2	
5	Tiền lương và BHXH	//	17,384.3	
6	Khấu hao TSCĐ	//	52,744.1	
7	Dịch vụ mua ngoài	//	3,297.0	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2010	Ghi chú
8	Sửa chữa lớn	//	17,041.6	
9	Chi phí bằng tiền khác	//	9,033.6	
10	KH giá thành sản xuất			
-	*Giá thành đơn vị*	*Đ/kWh*	*338.8*	
	Tổng chi phí	//	**101,269.7**	
-	*Chi phí SXKD điện*	//	*101,269.7*	
-	*Chi phi khác*	//		
	Tổng doanh thu	//	**180,391.8**	
-	*Doanh thu bán điện*	//	*170,391.8*	
-	*Doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu khác*	//	*10,000.0*	
	Lợi nhuận trước thuế	//	**79,122.1**	
	Thuế	//	*15,824.4*	
	Lợi nhuận sau thuế	//	**63,297.7**	
	EPS	Đồng	996.8	
	Cổ tức	**%**	***9.0***	

Ghi chú:

Tại thời điểm lập báo cáo Công ty chưa đàm phán xong với EVN về giá điện cho các năm từ 2010 đến 2013. Vì vậy các chỉ tiêu Doanh thu bán điện, lợi nhuận, EPS, cổ tức được lập với giá bán điện tạm tính là 570đ/kwh. Khi hoàn thành đàm phán về giá điện với EVN các chỉ tiêu trên sẽ được tính theo giá điện mới.

3.2. Hoạt động đầu tư xây dựng

Thực hiện các công tác phục vụ Đại tu phục hồi tổ máy số 3-Nhà máy thuỷ điện Thác Bà như: công tác kiểm tra, tiếp nhận vật tư thiết bị; chuẩn bị, bàn giao mặt bằng; công tác tổ chức... và đặc biệt là công tác giám sát thi công bởi công việc lần này sẽ do Công ty trực tiếp đảm nhận (không thuê tư vấn giám sát).

Thực hiện đấu thầu để mua sắm thiết bị bằng vốn ĐTPT theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

3.3. Hoạt động đầu tư tài chính

Xem xét, đề xuất đầu tư góp vốn hoặc mua lại các dự án thuỷ điện nhỏ hoặc trung bình, mua lại cổ phiếu của Công ty làm cổ phiếu quỹ khi giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán thấp.

3.4. Các hoạt động khác

Chuẩn bị các thủ tục, nhân sự để thành lập phòng Đầu tư, phục vụ cho kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty.

Xúc tiến việc thành lập Văn phòng của Công ty tại Hà Nội để phục công tác đầu tư của Công ty.

Chuẩn bị các thủ tục để thành lập Trung tâm dịch vụ sửa chữa, vận hành nhà máy thuỷ điện và tìm kiếm khách hàng để mở rộng hoạt động sửa chữa, vận hành ra bên ngoài.

Hoàn thành việc cấp chứng chỉ áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001 và ISO 14000 trong Quý 2/2010.

Tiếp tục làm việc với các tư vấn liên quan để hoàn thành các công việc xin Giấy phép sử dụng tài nguyên nước và cắm mốc hành lang bảo vệ hồ chứa.

Tiếp tục rà soát, cập nhật và sửa đổi các quy chế nội bộ của Công ty cho phù hợp với các quy định và tình hình mới.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính năm 2009 của Công cổ phần Thủy điện Thác Bà đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về chế độ kế toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

Nội dung Báo cáo tài chính năm 2009 được đăng tải đầy đủ trên website của Công ty: http://www.thacba.evn.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Báo cáo Tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/ 12/ 2009
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LIMITED (AASC)

Trụ sở chính:
Số 1 Lê Phụng Hiểu - Hà Nội - Việt Nam.
Tel : (84-4) 38241990 /1.
Fax: (84-4) 38253973
E-mail: aaschn@hn.vnn.vn
Website: www.aasc.com.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh:
83 Trần Khánh Dư, Quận 1
TP Hồ Chí Minh
Tel : (84-8) 35265796 / 7
Fax: (84-8) 38435590
E-mail: aaschcm@aasc.com.vn

VPĐD tại Quảng Ninh:
Cột 2, Đường Nguyễn Văn Cừ,
TP Hạ Long - Quảng Ninh
Tel : (84-33) 3627571
Fax: (84-33) 3627572
E-mail: aascqn@aasc.com.vn

AFFILIATE INPACT INTERNATIONAL NETWORK OF PROFESSIONAL ACCOUNTANTS

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Báo cáo Tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/ 12/ 2009
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-3
Báo cáo Kiểm toán	4
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	5-21
Bảng cân đối kế toán	5-6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9-22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Thủy điện Thác Bà, Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) (EVN) theo quyết định số 349/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000069 ngày 31/03/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000069 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 07 tháng 05 năm 2008, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thuỷ công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thuỷ điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thị trấn Thác Bà – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị:

Ông Đại Ngọc Giang	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quốc Chính	Ủy Viên	
Ông Nguyễn Quang Thắng	Ủy Viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2009
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Ủy Viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2009
Ông Nguyễn Xuân Nam	Ủy Viên	
Ông Lê Minh Tuấn	Ủy Viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2009
Ông Vũ Hoàng Chương	Ủy Viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2009

C
Các thành viên của Ban Giám đốc:

Ông Nguyễn Quốc Chính	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Chi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Khuất Minh Toán	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Hoài Linh	Trưởng Ban	
Ông Phạm Anh Tráng	Thành Viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2009
Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành Viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2009
Bà Đỗ Thị Vang	Thành Viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty.

Yên Bái, ngày 28 tháng 01 năm 2010
Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Đại Ngọc Giang

Yên Bái, ngày 28 tháng 01 năm 2010
TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Quốc Chính

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)
THÀNH VIÊN INPACT QUỐC TẾ

Số : 31../2010/BC.KTTC-AASC.KT6

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 173.....
ngày 10 tháng 2 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được lập ngày 28 tháng 01 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)
Tổng Giám đốc

Ngô Đức Đoàn
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Kiểm toán viên

Hoàng Anh Tuấn
Chứng chỉ KTV số: 0940/KTV

01 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3824 1990/1 - Fax: (84-4) 3825 3973
Email: aaschn@hn.vnn.vn
Website: www.aasc.com.vn

AFFILIATE INPACT INTERNATIONAL NETWORK OF PROFESSIONAL ACCOUNTANTS

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**301.547.645.005**	**291.468.688.086**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**219.279.229.179**	**140.572.984.845**
111	1. Tiền		62.957.137.632	42.060.984.845
112	2. Các khoản tương đương tiền		156.322.091.547	98.512.000.000
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	4	**20.900.000.000**	**113.752.073.417**
121	1. Đầu tư ngắn hạn		20.900.000.000	113.752.073.417
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**46.978.370.995**	**23.416.184.152**
131	1. Phải thu khách hàng		12.523.481.110	15.198.442.710
132	2. Trả trước cho người bán		31.542.863.733	598.039.122
135	3. Các khoản phải thu khác	5	2.912.026.152	8.007.143.785
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	(387.441.465)
140	**IV. Hàng tồn kho**	6	**14.031.655.236**	**13.437.563.590**
141	1. Hàng tồn kho		14.034.504.381	13.440.412.735
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(2.849.145)	(2.849.145)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**358.389.595**	**289.882.082**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		9.451.000	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		348.938.595	289.882.082
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**562.172.423.652**	**559.823.708.570**
220	**II. Tài sản cố định**		**527.807.423.652**	**559.823.708.570**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	477.669.421.931	518.624.500.753
222	*- Nguyên giá*	-	*1.173.217.055.057*	*1.169.924.366.598*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế (*)*		*(695.547.633.126)*	*(651.299.865.845)*
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	19.993.316.400	19.993.316.400
228	*- Nguyên giá*		*19.993.316.400*	*19.993.316.400*
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	30.144.685.321	21.205.891.417
			-	-
250	**IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	10	**34.365.000.000**	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác		34.365.000.000	-
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		863.720.068.657	851.292.396.656

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**78.540.597.597**	**58.689.863.054**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**46.894.974.812**	**58.520.974.049**
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	9.508.593.000
312	2. Phải trả người bán		6.960.289.026	1.587.070.357
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	14.702.438.159	6.925.790.182
315	4. Phải trả người lao động		2.673.512.474	8.916.210.799
316	5. Chi phí phải trả	12	11.382.462.206	2.199.273.707
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	11.176.272.947	29.384.036.004
330	**II. Nợ dài hạn**		**31.645.622.785**	**168.889.005**
334	1. Vay và nợ dài hạn	14	31.439.077.000	-
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		206.545.785	168.889.005
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**785.179.471.060**	**792.602.533.602**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	15	**783.639.226.264**	**792.207.398.808**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		6.064.731.217	2.736.794.691
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(314.447.955)	-
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		55.208.926.711	29.385.459.517
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		2.407.790.814	852.699.199
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		85.272.225.477	124.232.445.401
430	**II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác**		**1.540.244.796**	**395.134.794**
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.540.244.796	395.134.794
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**863.720.068.657**	**851.292.396.656**

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
002	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		149.573.952	
005	5. Ngoại tệ các loại (USD)		672.310,91	32.310,91

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Mạnh	Lê Đức Tuấn	Nguyễn Quốc Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2009 VND	2008 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	16	**208.994.642.783**	**244.627.942.499**
10	**2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**208.994.642.783**	**244.627.942.499**
11	**3. Giá vốn hàng bán**	17	**74.221.774.387**	**70.474.033.715**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**134.772.868.396**	**174.153.908.784**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	17.735.015.923	17.781.635.871
22	7. Chi phí tài chính	19	5.521.119	51.530.439
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*5.521.119*	*51.530.439*
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		11.100.234.144	14.077.525.509
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**141.402.129.056**	**177.806.488.707**
31	11. Thu nhập khác		159.834.439	713.333.940
32	12. Chi phí khác		30.885.519	331.177.456
40	**13. Lợi nhuận khác**		**128.948.920**	**382.156.484**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**141.531.077.976**	**178.188.645.191**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	11.799.185.123	15.865.243.612
60	**17. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**129.731.892.853**	**162.323.401.579**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	20	**2.043**	**2.556**

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Mạnh	Lê Đức Tuấn	Nguyễn Quốc Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	T.min	2009 VND	2008 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	*1. Lợi nhuận trước thuế*		*141.531.077.976*	*178.188.645.191*
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		44.688.459.281	47.282.425.913
03	- Các khoản dự phòng		(387.441.465)	379.923.194
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			21.761.290
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.774.631.175)	-
06	- Chi phí lãi vay		5.521.119	51.530.439
08	*3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*		*174.062.985.736*	*225.924.286.027*
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(23.233.801.891)	36.123.360.019
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(594.091.646)	41.387.058
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(18.294.578.309)	(2.489.067.185) -
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(9.451.000)	-
13	- Tiền lãi vay đã trả		(5.521.119)	-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.643.706.613)	(16.516.848.180)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.490.507.440)	(27.910.668.152)
20	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*		*123.791.327.718*	*215.172.449.587*
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.612.824.021)	(9.822.726.417)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	444.192.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(113.752.073.417)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(55.265.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		113.752.073.417	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.774.631.175	11.221.133.389
30	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*		*66.648.880.571*	*(111.909.474.445)*
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		31.439.077.000	9.508.593.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(9.508.593.000)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(133.350.000.000)	(57.010.146.396)
40	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*		*(111.419.516.000)*	*(47.501.553.396)*
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**79.020.692.289**	**55.761.421.746**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**140.572.984.845**	**84.783.354.929**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(314.447.955)	28.208.170
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**		**219.279.229.179**	**140.572.984.845**

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Mạnh	Lê Đức Tuấn	Nguyễn Quốc Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Thủy điện Thác Bà, Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) (EVN) theo quyết định số 349/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Thị trấn Thác Bà – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp Năng lượng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thuỷ công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thuỷ điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Năm 2009, Công ty vẫn duy trì tốt hoạt động kinh doanh chính là sản xuất bán điện thương phẩm cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Tuy nhiên doanh thu của năm 2009 bị giảm sút so với năm tài chính trước vì sản lượng điện khai thác phụ thuộc vào lưu lượng nước và thời tiết. Do ảnh hưởng của việc thay đổi đơn giá tính thuế đơn vị tài nguyên năm 2009 tăng từ 750 VND lên 940 VND làm cho giá vốn tăng khoảng 1,49 tỷ đồng.

Trong năm 2009, Công ty đã thu hồi tiền Ủy thác quản lý vốn cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực và thực hiện đầu tư góp vốn vào Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2 của Công ty Cổ phần nhiệt điện Hải Phòng. Dự án này hiện đang trong giai đoạn đầu tư.

Năm 2009, Công ty cũng được thụ hưởng chính sách ưu đãi giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là một phần trong các giải pháp ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Công văn chấp nhận số 744/BTC-CĐKT ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50 năm
- Máy móc, thiết bị	05-10 năm

- Phương tiện vận tải	09-15 năm
- Thiết bị văn phòng	05-10 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:
- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí lãi vay trong kỳ theo lãi vay thực tế phát sinh của khoản vay cho hoạt động đầu tư của dự án.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính:

- Đặt báo (phân bổ theo thời gian).

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí phí sửa chữa lớn TSCĐ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Công văn chấp nhận số 744/BTC-CĐKT ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính. Chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong kỳ được ghi nhận toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh đồng thời ghi nhận tăng chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả. Các khoản chi phí sửa chữa lớn ghi nhận vào chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả trên sẽ được tất toán khi các công trình sửa chữa lớn được phê duyệt quyết toán.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Từ năm 2009, việc xử lý các khoản đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ được ghi nhận theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính.

	Năm 2009	Năm 2008
Tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống)	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.
Công nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính.	

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được ghi nhận theo hóa đơn phát hành của bộ phận bán hàng;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Theo Công văn số 4023/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 23 tháng 10 năm 2008 về chính sách ưu đãi thuế gửi Cục thuế tỉnh Yên Bái thì Công ty Cổ phần thủy điện Thác Bà được miễn thuế 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Công ty đăng ký từ năm 2006) và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Cũng theo Công văn này, trong 10 năm kể từ khi thành lập và bắt đầu hoạt động kinh doanh Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 01 năm 2009 về hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty Cổ phần thủy điện Thác Bà thuộc doanh nghiệp nhỏ và vừa *(số lao động không quá 300 người)* và được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm

3 . TIỀN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền mặt tại quỹ	302.524.823	454.475.307
Tiền gửi ngân hàng	62.654.612.809	41.606.509.538
Các khoản tương đương tiền	156.322.091.547	98.512.000.000
	219.279.229.179	**140.572.984.845**

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	20.900.000.000	113.752.073.417
Tiền gửi có kỳ hạn (Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình)	*20.900.000.000*	-
Ủy thác quản lý vốn cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	-	*113.752.073.417*
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	-	-
Cộng	**20.900.000.000**	**113.752.073.417**

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Phải thu khác	2.912.026.152	8.007.143.785
	2.912.026.152	**8.007.143.785**

Phải thu khác cuối kỳ trong đó bao gồm Dự tính lãi hưởng của các khoản tiền gửi có kỳ hạn trong năm 2009 là 2.082.376.581 đồng

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Hàng mua đang đi đường	-	5.060.328.669
Nguyên liệu, vật liệu	13.525.939.669	8.140.187.617
Công cụ, dụng cụ	508.564.712	239.896.449
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(2.849.145)	(2.849.145)
	14.031.655.236	**13.437.563.590**

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả	-
* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm	-

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	627.530.454.181	522.873.781.659	14.739.661.946	4.780.468.812	1.169.924.366.598
Số tăng trong kỳ	345.043.933	2.144.214.854	1.216.885.482	27.236.190	3.733.380.459
- Mua trong kỳ		*1.309.187.000*	*1.140.600.768*	*27.236.190*	*2.477.023.958*
- Xây dựng mới	*345.043.933*	*835.027.854*			*1.180.071.787*
- Tăng khác			*76.284.714*		*76.284.714*
Số giảm trong kỳ			*440.692.000*		*440.692.000*
- Thanh lý, nhượng bán			*440.692.000*		*440.692.000*
Số dư cuối kỳ	627.875.498.114	525.017.996.513	15.515.855.428	4.807.705.002	1.173.217.055.057
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	275.126.425.756	361.990.132.272	9.538.268.885	4.645.038.932	651.299.865.845
Số tăng trong kỳ	18.960.982.499	24.337.116.688	1.511.672.177	197.223.292	45.006.994.656
- Khấu hao trong kỳ	*18.960.982.499*	*24.337.116.688*	*1.193.156.802*	*197.223.292*	*44.688.459.281*
- Tăng khác			*318.515.375*		*318.515.375*
Số giảm trong kỳ			440.692.000	*318.515.375*	759.207.375
- Thanh lý, nhượng bán			*440.692.000*		*440.692.000*
- Giảm khác				*318.515.375*	*318.515.375*
Số cuối kỳ	294.087.408.255	386.327.248.960	10.609.249.062	4.523.726.849	695.547.633.126
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	352.404.028.425	160.883.649.387	5.201.393.061	135.429.880	518.624.500.753
Tại ngày cuối kỳ	333.788.089.859	138.690.747.553	4.906.606.366	283.978.153	477.669.421.931

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu kỳ	19.993.316.400	19.993.316.400
Số tăng trong kỳ		
Số giảm trong kỳ		
Số dư cuối kỳ	19.993.316.400	19.993.316.400
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ		
Số tăng trong kỳ		
Giảm trong kỳ		
Số dư cuối kỳ		
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	19.993.316.400	19.993.316.400
Tại ngày cuối kỳ	19.993.316.400	19.993.316.400

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng các mảnh đất rộng 84.948,6 m2 và 60.287 m2 được giao trên tổng diện tích thực tế sử dụng là 186.301,7 m2. Giá trị Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn được xác định khi Công ty đánh giá lại giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa năm 2005, đã được phê duyệt tại Quyết định số 2343/QĐ-TCKT ngày 18/7/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc "Xác định giá trị Công ty Thủy điện Thác Bà thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam để cổ phần hóa".

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	18.958.328.833	19.006.617.710
-Nâng cấp và HDH hệ thống đo lường, điều khiển	*17.076.954.291*	*16.231.060.511*
-Xây dựng cơ bản dở dang khác	*841.434.545*	*623.056.996*
- Dự án Đại Tu phục hồi tổ máy số 3	*1.039.939.997*	-
- Trạm bảo vệ CT62	-	*2.152.500.203*
Sửa chữa lớn Tài sản cố định	11.186.356.488	2.199.273.707
- Đại tu hệ thống phân phối điện	*582.594.818*	*322.055.846*
- Đại Tu đập chính	*6.029.862.786*	*1.877.217.861*
- Sửa chữa lớn Tài sản cố định khác	*1.738.712.380*	-
- Trung tu tổ máy số 1	*1.609.655.041*	-
- Đại Tu hai cần cẩu	*238.417.687*	-
- Đại tu tổ máy số 2	*204.343.137*	-
- Đại tu MBA T3	*782.770.639*	-
Cộng	**30.144.685.321**	**21.205.891.417**

Dự án Đầu tư Đại tu phục hồi tổ máy số 3 Nhà máy thủy điện Thác Bà được triển khai trong năm 2009 theo Quyết định số 823/QĐ-TĐTB-HĐQT của Hội đồng quản trị với tổng mức đầu tư là 188.342.650.000 VND bằng nguồn vốn khấu hao cơ bản, vốn đầu tư phát triển và vốn vay. Thời gian triển khai dự án bắt đầu từ quý IV/2009 đến quý III/2010. Dự án do Công ty Cổ phần Lilama 10 cung cấp thiết bị và thi công.

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Đầu tư dài hạn khác	34.365.000.000	-
- Đầu tư cổ phiếu	*34.365.000.000*	-
Cộng	**34.365.000.000**	-

Theo hợp đồng góp vốn số 919/HDGV- NDHP giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà với Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng, Công ty cam kết đầu tư góp vốn số tiền 50 tỷ đồng với tỷ lệ 1% để trở thành một trong các cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Tại ngày 31/12/2009, Công ty đã góp vốn 34,365 tỷ đồng, số tiền cam kết góp tiếp 15,635 tỷ đồng.

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.859.357.228	1.654.277.127
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.820.144.935	4.581.767.687
Thuế thu nhập cá nhân	78.431.354	281.086.668
Thuế tài nguyên	944.504.642	408.658.700
	14.702.438.159	**6.925.790.182**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	11.186.356.488	2.199.273.707
Chi phí triển khai hợp đồng *(lãi vay dự trả)*	90.824.000	-
Chi phí phải trả khác *(bảo trì thang máy, vệ sinh phát dọn)*	105.281.718	-
	11.382.462.206	**2.199.273.707**

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	8.508.143	44.380.976
Kinh phí công đoàn	142.571.838	228.479.057
Bảo hiểm xã hội	29.306.013	14.971.321
Bảo hiểm y tế	12.338.363	12.187.285
Cổ tức phải trả	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.983.548.590	29.084.017.365
- Cổ tức phải trả	*10.705.538.700*	*28.591.407.000*
- Phải trả khác	*278.009.890*	*492.610.365*
	11.176.272.947	**29.384.036.004**

14 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Vay dài hạn	**31.439.077.000**	-
Vay dài hạn Công ty tài chính cổ phần Điện lực	31.439.077.000	-
Cộng	**31.439.077.000**	-

Trong đó, các khoản vay dài hạn gồm:

Đơn vị tính: 1.000.000 VND

Số HĐ vay	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Số dư nợ gốc phải trả kỳ tới	Phương thức bảo đảm khoản vay
60/2009/HĐTD-DH-DN/TCDL	Công ty tài chính cổ phần điện lực	LSTK 12T + 3%	48 tháng	130.500	31.439	-	Bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai bằng vốn vay và vốn tự có của công ty (tổ máy số 3)
	Cộng			**130.500**	**31.439**	-	

Mục đích vay vốn: thực hiện dự án đầu tư Đại tu phục hồi tổ máy số 3 - Nhà máy Thủy điện Thác Bà theo phê duyệt dự án tại Quyết định số 823/QĐ-TĐTB-HĐQT ngày 17/07/2009 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Thủy điện Thác Bà.

15. . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Vốn khác của CSH	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	**635.000.000.000**	**259.232.384**	**-**	**15.737.138.218**	**175.001.608**	**54.531.368.427**	**705.702.740.637**
- Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	178.188.645.191	178.188.645.191
- Tăng khác	-	2.477.562.307	-	16.125.883.606	677.697.591	-	19.281.143.504
- Giảm vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	2.477.562.307	-	108.487.568.217	110.965.130.524
Số dư cuối kỳ trước	**635.000.000.000**	**2.736.794.691**	**-**	**29.385.459.517**	**852.699.199**	**124.232.445.401**	**792.207.398.808**
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	129.731.892.853	129.731.892.853
- Tăng khác	-	3.327.936.526	-	29.151.403.720	1.555.091.615	-	34.034.431.861
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ này	-	-	314.447.955	-	-	-	314.447.955
- Giảm khác	-	-	-	3.327.936.526	-	168.692.112.777	172.020.049.303
Số dư cuối kỳ này	**635.000.000.000**	**6.064.731.217**	**(314.447.955)**	**55.208.926.711**	**2.407.790.814**	**85.272.225.477**	**783.639.226.264**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009	Tỷ lệ	01/01/2009	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	342.900.000.000	54,00%	476.250.000.000	75,00%
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	*190.500.000.000*	*30,00%*	*323.850.000.000*	*51,00%*
-Tổng công ty Đầu tư và KD vốn Nhà nước	*152.400.000.000*	*24,00%*	*152.400.000.000*	*24,00%*
Do Pháp nhân khác và thể nhân nắm giữ	292.100.000.000	46,00%	158.750.000.000	25,00%
	635.000.000.000	100%	**635.000.000.000**	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	2009	2008
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	*635.000.000.000*	*635.000.000.000*
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	*635.000.000.000*	*635.000.000.000*
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	133.350.000.000	73.660.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia theo KQKD năm 2007	-	*35.560.000.000*
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia theo KQKD năm 2008	*88.900.000.000*	*38.100.000.000*
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia theo KQKD năm 2009	*44.450.000.000*	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2009	01/01/2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63.500.000	63.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	63.500.000	63.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	*63.500.000*	*63.500.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	63.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	*63.500.000*	*63.500.000*
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2009	01/01/2009
Quỹ đầu tư phát triển	55.208.926.711	29.385.459.517
Quỹ dự phòng tài chính	2.407.790.814	852.699.199
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	**57.616.717.525**	**30.238.158.716**

- Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng qui mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
- Quỹ dự phòng tài chính nhằm đảm bảo cho doanh nghiệp có thể hoạt động bình thường khi gặp rủi ro, thua lỗ trong kinh doanh, hoặc để phòng những tổn thất, thiệt hại bất ngờ do những nguyên nhân khách quan, bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, sự biến động về kinh tế, tài chính trong nước, ngoài nước.

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2009 VND	2008 VND
Doanh thu bán hàng	208.994.642.783	244.627.942.499
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
	208.994.642.783	**244.627.942.499**

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2009 VND	2008 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	74.221.774.387	70.474.033.715
	74.221.774.387	**70.474.033.715**

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009 VND	2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.735.015.923	17.753.427.701
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	28.208.170
	17.735.015.923	**17.781.635.871**

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2009 VND	2008 VND
Lãi tiền vay	5.521.119	51.530.439
	5.521.119	**51.530.439**

20 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2009 VND	2008 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.799.185.123	15.865.243.612
	11.799.185.123	**15.865.243.612**

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau

	2009 VND	2008 VND
Lợi nhuận sau thuế	129.731.892.853	162.323.401.579
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	129.731.892.853	162.323.401.579
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	63.500.000	63.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.043	2.556

21 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2009 VND	2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.585.742.824	1.133.382.318
Chi phí nhân công	17.208.280.917	20.344.338.256
Chi phí khấu hao TSCĐ	44.666.894.039	47.282.425.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.241.535.097	1.938.400.717
Chi phí khác bằng tiền	19.619.555.654	13.853.012.020
	85.322.008.531	**84.551.559.224**

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Tờ trình số 108/TTr/TĐTB ngày 22/01/2010 về việc Phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện; tiền thưởng ATĐ; Quỹ tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, thù lao của thành viên không chuyên trách HĐQT và Ban Kiểm soát, theo kết quả SXKD năm 2009 và Quyết định số 109/QĐ/TĐTB-HĐQT ngày 27/01/2010 về việc Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện theo kết quả SXKD năm 2009. Quỹ tiền lương trong năm 2009 của Công ty đã được điều chỉnh tăng thêm vào chi phí trong kỳ với số tiền là 1.478.131.870 đồng.

23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
Bảng Cân đối kế toán			
Các khoản tương đương tiền	112	98.512.000.000	
Tiền	111		98.512.000.000

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Mạnh	Lê Đức Tuấn	Nguyễn Quốc Chính

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập:

  Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Số : 31../2010/BC.KTTC-AASC.KT6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được lập ngày 28 tháng 01 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)	
Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Ngô Đức Đoàn	**Hoàng Anh Tuấn**
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV	Chứng chỉ KTV số: 0940/KTV

- Các nhận xét đặc biệt : Không.

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: Không.
- Các nhận xét đặc biệt: Không

.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty: Không
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty nắm giữ: Không.
- Tình hình đầu tư vào công ty có liên quan: Không.

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức

Công ty được tổ chức hoạt động dưới hình thức mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Sơ đồ tổ chức của Công ty:

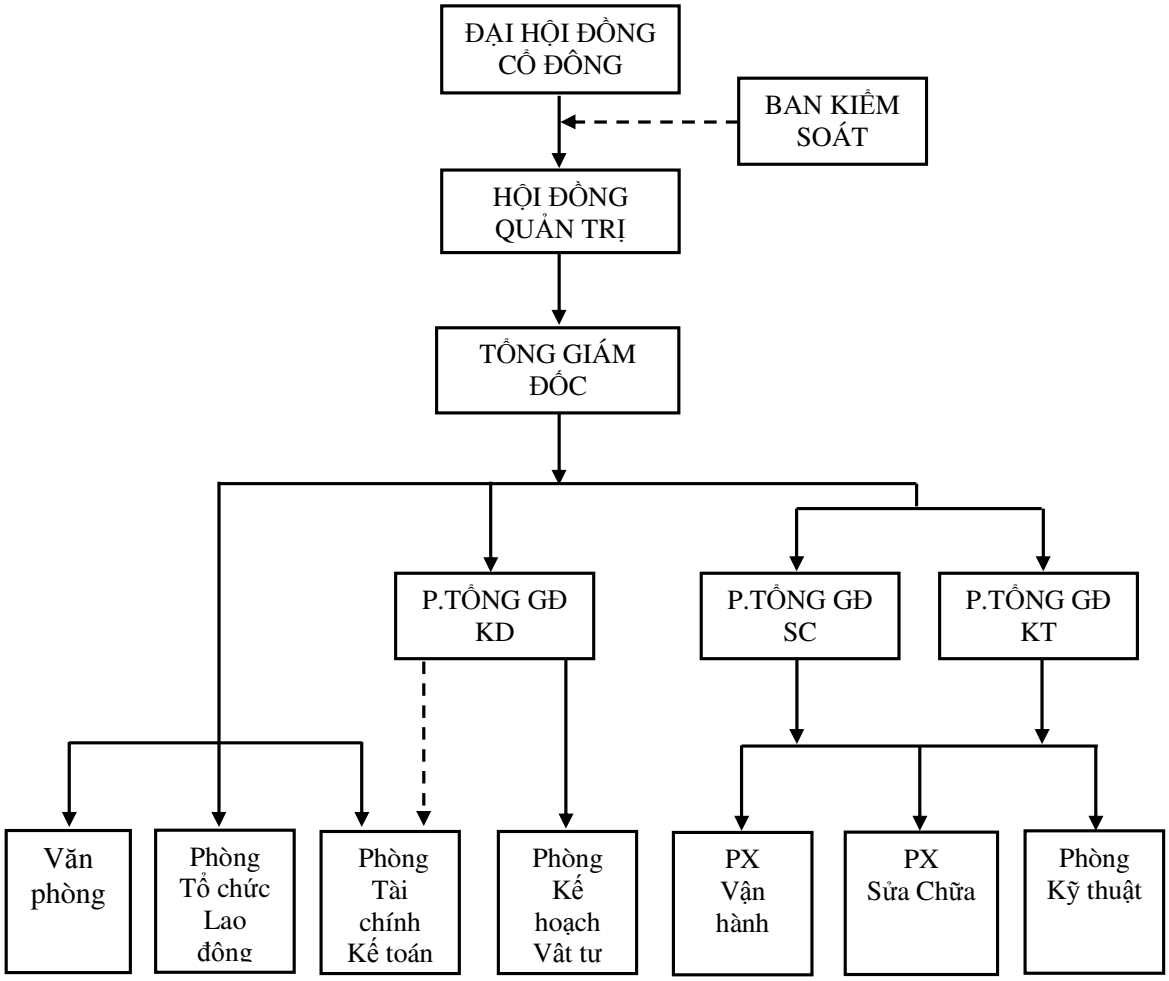

a. Đại hội đồng Cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn, dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

b. Hội đồng quản trị: Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

c. Ban kiểm soát: Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

d. Tổng Giám đốc: Là người điều hành hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

e. Phó Tổng Giám đốc: Phó Giám đốc là người giúp cho giám đốc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền. Công ty hiện có 1 Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật,1 Phó Tổng Giám đốc phụ trách sửa chữa và 1 Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh.

f. Các phòng chức năng

- Văn Phòng: Tham mưu giúp Giám đốc chỉ đạo, quản lý công tác văn thư lưu trữ, tổng hợp, thi đua tuyên truyền, hành chính quản trị, lễ tân phục vụ, y tế, đời sống.
- Phòng Tổ chức lao động: Tham mưu giúp Giám đốc tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh, tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực. Công tác lao động tiền lương, chế độ BHXH, BHYT, Bảo hộ lao động. Công tác Bảo vệ - Thanh tra.
- Phòng Kỹ thuật: Tham mưu giúp Giám đốc trong công tác quản lý kỹ thuật, phương thức vận hành và thị trường điện, điều hành sản xuất; công tác kỹ thuật an toàn bảo hộ lao động, phòng chống lụt bão.
- Phòng Kế hoạch - Vật tư: Tham mưu giúp Giám đốc trong công tác kế hoạch, thống kê, tổng hợp, công tác dự toán đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn các công trình, thiết bị của Công ty. Trực tiếp quản lý và cung ứng vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh; quản lý, điều hành phương tiện vận tải của Công ty.

.

- Phòng Tài chính Kế toán: Tham mưu giúp Giám đốc quản lý công tác kinh tế tài chính và hạch toán kế toán.
- Phân xưởng Vận hành: Là đơn vị có chức năng trực tiếp quản lý, vận hành dây chuyền sản xuất điện theo quy trình, quy phạm, kế hoạch và phương thức huy động của điều độ các cấp.
- Phân xưởng Sửa chữa: Là đơn vị trực tiếp sản xuất, có chức năng quản lý kỹ thuật, thực hiện công tác đại tu, sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên các máy móc, thiết bị của dây truyền sản xuất. Quản lý và bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống các công trình thuỷ công, công trình kiến trúc.

2. Tóm tắt lý lịch của các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc

Danh sách Ban Tổng giám đốc:

- Ông Nguyễn Quốc Chính - Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Quang Thắng - Phó Tổng giám đốc kỹ thuật
- Ông Nguyễn Quốc Chi - Phó Tổng giám đốc sửa chữa
- Ông Khuất Minh Toản - Phó Tổng giám đốc kinh doanh

a. Ông Nguyễn Quốc Chính - Tổng Giám đốc

Nêu trong mục VII – 1 – b (Thông tin cổ đông và Quản trị công ty).

b. Ông Nguyễn Quang Thắng - Phó Tổng giám đốc kỹ thuật

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc kỹ thuật - Công ty CP Thuỷ điện Thác Bà
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Sinh ngày: 01/3/1965.
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: KS hệ thống điện.

- Quá trình công tác:
  + Từ 4/1986 ÷ 3/2002: Công nhân sửa chữa Nhà máy Thủy điện Thác Bà.
  + Từ 4/2002 ÷ 3/2005: Nhân viên vận hành, Trưởng ca vận hành - PX Vận hành Nhà máy Thủy điện Thác Bà.

+ Từ 4/2005 ÷ 9/2005: Chuyên viên phòng Kế hoạch Kỹ thuật Công ty Thủy điện Thác Bà.

+ Từ 10/2005 ÷ 3/2007: Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty cổ phần Thuỷ điện Thác Bà.

+ Từ 4/2007 ÷ nay: Phó Tổng giám đốc kỹ thuật Công ty cổ phần Thuỷ điện Thác Bà.

- Số cổ phần nắm giữ: 2.600 cổ phần.

c. Ông Nguyễn Quốc Chi – Phó Tổng giám đốc sửa chữa

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc sửa chữa - Công ty CP Thuỷ điện Thác Bà
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Sinh ngày: 30/4/1951.
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo.
- Quá trình công tác:

+ Từ 5/1972 ÷ 11/1975: Bộ đội C2-D69-F304B.

+ Từ 12/1975 ÷ 11/1978: Sinh viên trường Đại học KTCN Thái Nguyên.

+ Từ 12/1978 ÷ 4/2001: Phó quản đốc Phân xưởng Cơ điện Nhà máy Thủy điện Thác Bà.

+ Từ 5/2001 ÷ 3/2005: Phó giám đốc Nhà máy Thủy điện Thác Bà.

+ Từ 4/2005 ÷ 3/2006: Phó giám đốc Công ty Thủy điện Thác Bà.

+ Từ 4/2006 ÷ 4/2008: Uỷ viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà.

+ Từ 5/2008 ÷ nay: Phó Tổng GĐ Công ty CP thuỷ điện Thác Bà.

- Số cổ phần nắm giữ: 11.200 cổ phần.

d. Ông Khuất Minh Toản - Phó Tổng giám đốc kinh doanh

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc kinh doanh - Công ty CP Thuỷ điện Thác Bà

- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Sinh ngày: 10/12/1977.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết bị điện.
- Quá trình công tác:

+ Từ 11/2002 ÷ 10/2004: Nhân viên Phân xưởng Vận hành - Nhà máy Thủy điện Thác Bà.

+ Từ 11/2004 ÷ 9/2005: Chuyên viên Phòng KHKT - Nhà máy Thủy điện Thác Bà.

+ Từ 10/2005 ÷ 3/2006: Trưởng phòng KHVT - Công ty Thủy điện Thác Bà.

+ Từ 4/2006 ÷ 4/2008: Uỷ viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà

+ Từ 5/2008 ÷ nay: Phó Tổng Giám đốc kinh doanh Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà.

- Số cổ phần nắm giữ: 200 cổ phần.

3. Quyền lợi của Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2009, Ban Tổng Giám đốc được hưởng đầy đủ các khoản tiền lương, thưởng, tiền ăn giữa ca theo chế độ, ngoài ra không có khoản thu nhập nào khác.

4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động.

Tại thời điểm 31/12/2009, tổng số lao động có mặt tại Công ty là 160 người với cơ cấu (Phân loại theo trình độ học vấn) như sau:

- Lao động có trình độ đại học: 51 người
- Lao động có trình độ trung cấp + CĐ: 30 người
- Lao động công nhân kỹ thuật: 73 người
- Lao động phổ thông: 07 người

Chính sách đối với người lao động.

.

a. Chế độ làm việc: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động trong Công ty theo đúng quy định của Pháp luật về lao động, Thoả ước lao động tập thể và các chế độ đặc thù đối với lao động làm việc trong ngành điện.

b. Chính sách đào tạo: Là một công ty có truyền thống trên 35 năm quản lý vận hành nhà máy thủy điện, Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm, Công ty luôn thực hiện kết hợp đào tạo tại chổ và cử cán bộ đi học tập, bồi huấn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước. Ngoài việc đào tạo để đáp ứng cho yêu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty còn thực hiện dịch vụ bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, sửa chữa nhà máy thủy điện.

c. Chính sách tuyển dụng: Công ty có trụ sở đóng tại địa bàn không thuận tiện về giao thông, cách xa các đô thị nên công tác tuyển dụng lao động của Công ty trong những năm qua gặp phải những khó khăn nhất định. Hiện tại Công ty đang thực hiện áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động có trình độ, kinh nghiệm công tác về công tác lâu dài tại Công ty. Trước và sau khi cổ phần hoá (31/3/2006), Công ty đã tuyển dụng được trên 20 kỹ sư, cử nhân tốt nghiệp các trường đại học bổ sung cho nguồn nhân lực của Công ty.

d. Chính sách lương, thưởng và phúc lợi: Công ty có chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động nhất là đối với lao động có kinh nghiệm, lao động có chuyên môn, nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty. Năm 2009, Công ty đã thực hiện chi trả lương, thưởng, thu nhập khác… thu nhập bình quân người lao động đạt 8,4 triệu đồng/người/tháng.

5. Thay đổi thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS và kế toán trưởng

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 4 năm 2009 đã tiến hành bầu: 02 uỷ viên HĐQT là ông Vũ Hoàng Chương và ông Nguyễn Trọng Hiền thay thế cho các ông Nguyễn Quang Thắng và ông Lê Minh Tuấn; 01 uỷ viên Ban kiểm soát là ông Nguyễn Tuấn Linh thay thế cho ông Phạm Anh Tráng.

Ngày 12/01/2010, Ban kiểm soát đã họp và bầu lại trưởng ban như sau: Bà Đỗ Thị Vang (thành viên) làm trưởng ban thay cho ông Nguyễn Hoài Linh (làm thanh viên).

VII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên độc lập không điều hành

Ban kiểm soát của Công ty gồm có 03 thành viên.

1.1. Tóm tắt lý lịch các thành viên HĐQT

a. Ông Đại Ngọc Giang - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT - Công ty CP thuỷ điện Thác Bà
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Sinh ngày: 29/8/1962
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hệ thống điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - + Từ 12/1984 ÷ 7/1987: Nhân viên vận hành, PX Vận hành - Nhà máy Thủy điện Thác Bà.
  - + Từ 8/1987 ÷ 6/1989: Trưởng ca vận hành, PX Vận hành - Nhà máy Thủy điện Thác Bà.
  - + Từ 7/1989 ÷ 12/1994: Chuyên viên, Kỹ sư an toàn - Nhà máy Thủy điện Thác Bà.
  - + Từ 01/1995 ÷ 4/1998: Quyền quản đốc PX Vận hành - Nhà máy Thủy điện Thác Bà.
  - + Từ 5/1998 ÷ 12/2000: Phó giám đốc Nhà máy Thủy điện Thác Bà.
  - + Từ 01/2001 ÷ 3/2005: Giám đốc Nhà máy Thủy điện Thác Bà.
  - + Từ 4/2005 ÷ 3/2006: Giám đốc Công ty Thủy điện Thác Bà.
  - + Từ 4/2006 ÷ nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy điện Thác Bà.

- Số cổ phần nắm giữ: 7.642.000, tương ứng với 12,03% VĐL, trong đó:

  + Đại diện pháp nhân cho EVN: 7.620.000cổ phần

  + Cá nhân: 22.000 cổ phần

b. Ông Nguyễn Quốc Chính - Uỷ viên HĐQT

- Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc Công ty CP Thuỷ điện Thác Bà
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Sinh ngày: 08/7/1963
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thuỷ điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.
- Quá trình công tác

  + Từ 1981 ÷ 1999: Công tác tại Công Ty Điện Lực 3

  + Từ 2000 ÷ 04/2008: Công tác tại Ban Kỹ thuật nguồn điện- Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam.

  + Từ 04/2008 ÷ nay: Uỷ viên HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Thuỷ điện Thác Bà.

- Số cổ phần nắm giữ: 5.715.000, tương ứng với 9,0%VĐL, trong đó:

  + Đại diện pháp nhân cho EVN: 5.715.000cổ phần

  + Cá nhân: 0 cổ phần

c. Ông Nguyễn Trọng Hiền - Uỷ viên HĐQT:

- Chức vụ hiện tại: Chuyên viên Ban đầu tư 2 – Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Sinh ngày: 10/9/1976.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD.
- Quá trình công tác:

  + Từ 2002 ÷ 2004: Cán bộ dự án – Công ty Bách khoa thuộc ĐHBK Hà Nội.

  + Từ 2005 ÷ 2007: Phó phòng, Trưởng phòng dự án – InvestPro.

+ Từ 4/2007 ÷ nay: Chuyên viên Ban đầu tư 2 – SCIC.

- Số cổ phần nắm giữ: 15.240.000, tương ứng 24 % VĐL, trong đó:

+ Đại diện pháp nhân cho SCIC: 15.240.000 cổ phần

+ Cá nhân: 0 cổ phần.

d. Ông Nguyễn Xuân Nam - Uỷ viên HĐQT

- Chức vụ hiện tại: Phó ban Tài Chính kế toán - Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Sinh ngày: 10/9/1964
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:

+ Từ 1987 ÷ 1994: Chuyên viên phòng tài chính kế toán - Công ty Xây Lắp điện 3.

+ Từ 1994 ÷ 1998: Phó ban tài chính kế toán - Công Ty điện lực 3.

+ Từ 1998 ÷ 2004: Chuyên ban tài chính kế toán - EVN

+ Từ 2004 ÷ nay: Phó phòng Tài Chính kế toán - EVN

+ Từ 04/2008 ÷ nay: Uỷ viên HĐQT Công ty CP Thuỷ điện Thác Bà

- Số cổ phần nắm giữ: 5.715.000, tương ứng với 9,0% VĐL, trong đó:

+ Đại diện pháp nhân cho EVN: 5.715.000cổ phần

+ Cá nhân: 0 cổ phần

e. Ông Vũ Hoàng Chương - Uỷ viên HĐQT

- Chức vụ hiện tại: Trưởng phòng Đầu tư – Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFC).
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Sinh ngày: 15/12/1971.
- Trình độ văn hoá: 12/12

.

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác:
  + Từ 2000 ÷ 04/2007: Trưởng phòng nghiên cứu kinh tế - Viện nghiên cứu Châu Mỹ.
  + Từ 04/2007 ÷ 8/2008: Chuyên viên Ban tổ chức – Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
  + Từ 8/2008 ÷ nay: Trưởng phòng Đầu tư – Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.
  + Từ 4/2009 ÷ nay: Ủy viên HĐQT Công ty CP Thủy điện Thác Bà.
- Số cổ phần nắm giữ: 4.762.000, tương ứng 7,5 % VĐL, trong đó:
  + Đại diện pháp nhân cho EVNFC: 4.762.000 cổ phần
  + Cá nhân: 0 cổ phần.

1.2. Tóm tắt lý lịch các thành viên BKS

a. Bà Đỗ Thị Vang - Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ hiện tại: Chuyên viên Ban TCKT - Tập đoàn Điện lực VN
- Giới tính: Nữ
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán.
- Quá trình công tác:
  + Từ 10/1977 ÷ 11/1989: Chuyên viên kế toán tổng hợp Điện lực Hải Hưng.
  + Từ 12/1989 ÷ 4/1990: Phó phòng TCKT Điện lực Hải Hưng.
  + Từ 5/1990 ÷ 10/1997: Trưởng phòng TCKT, Kế toán trưởng Điện lực Hải Hưng.
  + Từ 11/1997 ÷ nay: Chuyên viên Ban TCKT – EVN
  + Từ 04/2008 ÷ 01/2010: Thành viên BKS Công ty CP Thủy điện Thác Bà.
  + Từ 01/2010 ÷ nay: Trưởng BKS Công ty CP Thủy điện Thác Bà.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

b. Ông Nguyễn Hoài Linh - Thành viên BKS

- Chức vụ hiện tại: Phó Chánh Văn phòng - Công ty CP Thủy điện Thác Bà.
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Sinh ngày: 17/11/1978.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật.
- Quá trình công tác:
  + Từ 6/2003 ÷ 10/2005: Chuyên viên Phòng TCLĐ Nhà máy Thủy điện Thác Bà.
  + Từ 11/2005 ÷ nay: Phó Chánh VP Công ty thủy điện Thác Bà.
  + Từ 4/2006 ÷ 01/2010: Trưởng BKS, Công ty CP Thủy điện Thác Bà.
  + Từ 01/2010 ÷ nay: Thành viên BKS Công ty CP Thủy điện Thác Bà.
- Số cổ phần nắm giữ: 10.200, tương ứng với 0,016% VĐL.

c. Ông Nguyễn Tuấn Linh - Thành viên BKS:

- Chúc vụ hiện tại: Chuyên viên Ban đầu tư 2 - SCIC
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày sinh: 23/10/1980.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế tài chính.
- Quá trình công tác:
  + Từ 2004 ÷ 2006: Cán bộ Trung tâm giao dịch CNTT Hà Nội, Sở Bưu chính Viễn thông Hà Nội..
  + Từ 2006 ÷ 8/2008: Chuyên viên Ban TCKT – SCIC
  + Từ 9/2008 ÷ nay: Chuyên viên Ban đầu tư 2 - SCIC
  + Từ 4/2009 ÷ nay: Thành viên BKS Công ty CP Thủy điện Thác Bà.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

.

1.3. Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban giám đốc đã có chứng chỉ về đào tạo quản trị công ty

- Hội đồng quản trị: 5/5 thành viên.
- Ban giám đốc: 3/3 thành viên.
- Ban kiểm soát: 3/3 thành viên.

1.4. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm qua (giữa 2 kỳ đại hội đồng cổ đông), HĐQT công ty đã tiến hành họp thường kỳ 4 lần theo quy chế 1 quý 1 lần, họp bất thường 3 lần. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT có một số lần lấy ý kiến bằng văn bản qua thư. Cụ thể như sau:

1.4.1. Các cuộc họp HĐQT

Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và quyết nghị những nội dung chính sau:

a. Tại phiên họp lần thứ XIV (19/5/2009):

- Tiền lương năm 2009 của Tổng giám đốc;
- Thông qua việc trả cổ tức đợt 2 năm 2008 (chốt DS cổ đông 19/6/09);
- Phê chuẩn việc lựa chọn CTCP chứng khoán Sài gòn là đơn vị tư vấn chuyển cổ phiếu của Công ty sang niêm yết tại Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đồng ý xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000 tại Công ty;
- Giao Tổng Giám đốc khẩn trương đàm phán giá điện với EVN;
- Cho phép thực hiện phương án chỉ định thầu để xử lý về sự cố kích từ máy phát điện;
- Yêu cầu Tổng Giám đốc đẩy nhanh việc khảo sát, nghiên cứu, xây dựng phương án đầu tư vào các dự án thủy điện nhỏ;
- Yêu cầu Tổng Giám đốc xem xét, chỉ đạo rút kinh nghiệm trong việc mua sắm vật tư thiết bị.

b. Tại cuộc họp bất thường (17/7/2009):

- Phê duyệt Dự án đầu tư "Đại tu phục hồi tổ máy số 03 - Nhà máy Thủy điện Thác Bà".

.

- Phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu "Thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công đại tu phục hồi tổ máy số 03 - Nhà máy Thủy điện Thác Bà".
- Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu gói thầu "Thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công đại tu phục hồi tổ máy số 03 - Nhà máy Thủy điện Thác Bà".
- Thông qua chủ trương đầu tư góp vốn vào CTCP nhiệt điện Hải Phòng.

c. Tại phiên họp lần thứ XV (28/7/2009):

- Phê duyệt phương án sử dụng nguồn vốn của dự án đầu tư đại tu phục hồi M3 NMTĐ Thác Bà.
- Bổ sung nguồn vốn SCL năm 2009 cho công trình đại tu đập chính.
- Phê duyệt danh mục SCL năm 2010.
- Giao Tổng Giám đốc lập phương án thành lập văn phòng của Công ty tại Hà Nội.

d. Tại cuộc họp bất thường (18/8/2009):

- Phê duyệt kết quả xét thầu gói thầu "Thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công đại tu phục hồi tổ máy số 03 - Nhà máy Thủy điện Thác Bà";
- Phê duyệt hợp đồng gói thầu "Thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công đại tu phục hồi tổ máy số 03 - Nhà máy Thủy điện Thác Bà".

e. Tại phiên họp lần thứ XVI (30/10/2009):

- Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2009 (chốt DS cổ đông 27/11/09) với tỷ lệ tạm ứng là 7%.
- Giao Tổng Giám đốc hoàn thiện phương án giá bán điện của Công ty 4 năm tiếp theo (2010 ÷ 3013).
- Phê duyệt danh mục bổ sung SCL năm 2010- Công trình "Đại tu nâng cấp hệ thống kích từ tổ máy số 02".
- Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT phê duyệt Kế hoạch đấu thầu, Hồ sơ mời thầu và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu của dự án "Đại tu nâng cấp kích từ tổ máy số 02".

f. Tại cuộc họp bất thường (09/01/2010):

- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2010 của Công ty.
- Thông qua chủ trương về thành lập Phòng đầu tư.

.

- Thông qua chủ trương về thành lập Trung tâm dịch vụ kỹ thuật.

g. Tại phiên họp lần thứ XVII (05/02/2010):

- Phê duyệt quỹ tiền lương tháng thứ 13 năm 2010.
- Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán ASSC để trình ĐHĐCĐ thường niên 2010.
- Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2009 trình ĐHĐCĐ.
- Thống qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010 trình ĐHĐCĐ.
- Thống nhất về tiền lương của chủ tịch HĐQT, thù lao của các thành viên HĐQT, BKS năm 2010 trình ĐHĐCĐ.
- Thống nhất ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2010

1.4.2. Nghị quyết lấy ý kiến bằng văn bản

Ngoài các cuộc họp định kỳ, HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản các nghị quyết sau:

- Nghị quyết về đầu tư góp vốn Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
- Nghị quyết phương án vay vốn cho dự án Đại tu phục hồi tổ máy số 03 - Nhà máy Thủy điện Thác Bà.

1.4.3. Các quyết định của HĐQT

a. Các quyết định về nhân sự, tổ chức hoạt động:

- Quyết định ban hành các quy chế, quy định: Quy chế quản trị nội bộ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2009; Quy định bảo vệ bí mật Nhà nước tại CTCP Thủy điện Thác Bà;
- Quyết định cử cán bộ đi tham quan, học tập và công tác ở nước ngoài;
- Quyết định về việc xây dựng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, xây dưng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000:2004;

- Quyết định thành lập và kiện toàn các Hội đồng, Ban chỉ đạo, Ban chuyên môn: Ban chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật Nhà nước, Ban chỉ đạo triển khai hệ thống ISO, Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng.

b. Các quyết định về hoạt động SXKD:

- Quyết định phê duyệt danh mục SCL tài sản cố định năm 2010.

- Quyết định phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2010.
- Quyết định phê duyệt hồ sơ niêm yết cổ phiếu của Công ty trên HOSE.
- Quyết định duyệt quỹ tiền lương, tiền thưởng thực hiện năm 2009 và phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2010.
- Quyết định lựa chọn tư vấn xây dựng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000:2004.
- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư đại tu phục hồi tổ máy số 3;
- Quyết định phê duyệt hồ sơ yêu cầu các gói thầu: Thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công đại tu phục hồi tổ máy số 03 - Nhà máy Thủy điện Thác Bà; Khảo sát, thiết kế, cung cấp và lắp đặt hệ thống kích từ M2.
- Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu và kết quả đấu thầu các gói thầu: Tư vấn khảo sát, thiết kế công trình đại tu đường nội bộ Nhà máy; Cung cấp máy biến dòng điện 110KV; Cung cấp vật liệu, thi công xây lắp mái hạ lưu bờ trái đập chính và kè hạ lưu - Nhà máy Thủy điện Thác Bà; Thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công đại tu phục hồi tổ máy số 03 - Nhà máy Thủy điện Thác Bà...
- Quyết định phê duyệt các hợp đồng: Thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công đại tu phục hồi tổ máy số 03 - Nhà máy Thủy điện Thác Bà; Bổ sung số 2 của hợp đồng DCS số 1695/HĐKT-EVN-TĐTB-ABB.

1.5. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban Kiểm soát thường xuyên bám sát nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 đã biểu quyết thông qua, để giám sát việc điều hành của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc thông qua Nghị quyết họp HĐQT thường kỳ gửi tới Ban Kiểm soát;
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết HĐQT đối với Ban Giám đốc điều hành;
- Trong các cuộc họp của HĐQT, Ban kiểm soát thường cử từ 01 đến 02 thành viên tham dự;
- Ban Kiểm soát thực hiện xem xét báo cáo tài chính 6 tháng, 9 tháng, cả năm và lập báo cáo kiểm soát gửi Hội đồng quản trị theo quy định;
- Ngày 12/01/2010, Ban Kiểm soát tổ chức phiên họp nội dung đánh giá hoạt động của Hội động quản trị, Ban Tổng giám đốc, tình hình thực hiện các Nghị

.

quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị năm 2009 và bầu lại Trưởng ban kiểm soát.

1.6. Thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS

Thu nhập tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành và thù lao thành viên không chuyên trách HĐQT, Ban kiểm soát phụ thuộc vào kết qủa SXKD của Công ty và được xác định theo nguyên tắc: Lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuân kế hoạch tăng thì tiền lương và thu nhập được điều chỉnh tăng tương ứng, và ngược lại, lợi nhuận thực hiện giảm thì tiền lương và thu nhập cũng được điều chỉnh giảm.

Cụ thể tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành và thù lao thành viên không chuyên trách HĐQT, Ban kiểm soát của Công ty trong năm 2009 như sau:

STT	Họ và tên - Chức danh	Số tháng	Tiền lương	Thù lao
	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Đại Ngọc Giang *- Chủ tịch HĐQT*	12	446.638.100	0
2	Nguyễn Quốc Chính *-UV HĐQT, Tổng Giám đốc*	12	368.640.000	46.080.000
3	Nguyễn Xuân Nam *- UV HĐQT*	12	0	46.080.000
4	Nguyễn Quang Thắng *-UV HĐQT*	04	0	15.360.000
5	Lê Minh Tuấn *-UV HĐQT*	04	0	15.360.000
6	Nguyễn Trọng Hiền *-UV HĐQT*	08	0	30.720.000
7	Vũ Hoàng Chương *- UV HĐQT*	08	0	30.720.000
	BAN KIỂM SOÁT			
1	Nguyễn Hoài Linh *-Trưởng ban kiểm soát*	12	0	46.080.000
2	Đỗ Thị Vang *-UV Ban kiểm soát*	12	0	30.720.000
3	Nguyễn Anh Tráng *-UV Ban kiểm soát*	04	0	10.340.800
4	Nguyễn Tuấn Linh	08	0	20.480000

STT	Họ và tên - Chức danh	Số tháng	Tiền lương	Thù lao
	-UV Ban kiểm soát			

1.7. Thông tin về giao dịch cổ phiếu của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cổ đông lớn

- Ngày 27/3/2009, Tập đoàn điện lực Việt Nam (cổ đông lớn, cổ đông nội bộ của Công ty) chuyển nhượng cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVN Finance) 13.335.000 cổ phiếu, tương ứng 21% vốn điều lệ của Công ty.
- Ngày 20/10/2009, Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (cổ đông lớn, cổ đông nội bộ của Công ty) đã bán 2.222.500 CP (3,5% VĐL) cho các cá nhân.
- Ngày 28/10/2009, Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Cơ Điện Lạnh mua 6.350.000 cổ phiếu, tương ứng 10% vốn điều lệ của Công ty.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty cổ phần Thuỷ điện Thác Bà theo danh sách cổ đông chốt ngày 8/3/2010 như sau:

2.1. Cổ đông góp vốn Nhà nước

Có 02 cổ đông góp vốn Nhà nước, nắm giữ 34.290.000CP, tương ứng 54% VĐL, đó là:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

  Địa chỉ: Số 18 Trần Nguyên Hãn, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

  Số cổ phần nắm giữ: 19.050.000CP, tương ứng 30% VĐL
- Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

  Địa chỉ: Số 15A Trần Khánh Dư, Hoàn Kiếm, Hà Nội

  Số cổ phần nắm giữ: 15.240.000, tương ứng 24% VĐL

2.2. Cổ đông sáng lập

Có 03 cổ đông sáng lập, nắm giữ 19.083.200CP (tính tại thời điểm 8/3/2010), tương ứng 30,052%VĐL. Đó là:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

.

- Ông Đại Ngọc Giang

  Số cổ phần nắm giữ: 22.000 CP, tương ứng 0,035% VĐL

  Thường trú: Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Yên Bình, Yên Bái

  Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty.

- Ông Nguyễn Quốc Chi

  Số cổ phần nắm giữ: 11.200, tương ứng 0,018% VĐL

  Thường trú: Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Yên Bình, Yên Bái

  Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc sửa chữa

2.3. Cổ đông trong nước:

- Tổng số cổ đông trong nước: 3.340, nắm giữ: 62.179.706 cổ phần, chiếm 97,92% VĐL, trong đó:

+ Cá nhân: 3.304 cổ đông.

+ Tổ chức: 36 cổ đông.

- Cổ đông lớn: Có 04 cổ đông lớn, nắm giữ 45.402.500CP, tương ứng 71,5%VĐL, đó là:

+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

+ Công ty cổ phần Cơ Điện Lạnh.

  Địa chỉ: 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.HCM

  Số cổ phần nắm giữ: 6.350.000 CP, tương ứng 10% VĐL

+ Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

+ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.

  Địa chỉ: Tầng 6&7, 434 Trần Khát Chân - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

  Số cổ phần nắm giữ: 4.762.500, tương ứng 7,5% VĐL

.

2.4. Cổ đông nước ngoài:

Tổng số cổ phần nắm giữ: 1.320.294 cổ phần, chiếm 2,07% VĐL, trong đó:

+ Cá nhân: 84 cổ đông.

+ Tổ chức: 11cổ đông.

+ Cổ đông lớn: 0 cổ đông.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCK TPHCM;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Tổng giám đốc;
- Ban kiểm soát;
- P2 (đăng trên Website)
- Lưu: VT, P6.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Đại Ngọc Giang

.